

Số: 54/2022/QĐST-DS

Cầu Ngang, ngày 01 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 134/2022/TLST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPĐT và PTV N; Địa chỉ trụ sở chính: số 194 Trần QKi, phường LT T, quận H K, thành phố HN; Đại diện theo pháp luật: Phan Đức T; chức vụ chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Phạm Ngọc L; Chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCPĐT và PTV N – Chi nhánh TV. Theo Quyết định số 963/QĐ-BIDV, ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCPĐT và PTV N về uỷ quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự; Địa chỉ chi nhánh: số 02B, L TT, Phường 2, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh;

Ông Phạm Ngọc Lâm uỷ quyền cho chị Dương Ngọc T; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch CN-CT thuộc Ngân hàng TMCPĐT và PTV N Chi nhánh TV theo văn bản uỷ quyền số 323/QĐ-BIDV.TV, ngày 22/3/2022.

Bị đơn: Anh Kim N B, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp G, xã K H, huyện C N, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Anh Kim N B tự nguyện trả số tiền còn nợ 120.636.144 đồng (Trong đó nợ gốc 97.500.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 12/3/2020 đến ngày 10/01/2022 là 20.372.425 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 12/3/2020 đến ngày 10/01/2022

là 2.763.719 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 11/01/2022 theo hợp đồng số 01/2018/9870346/HĐTD, ngày 12/6/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCPĐT và PTV N.

Chị Dương Ngọc T đại diện của Ngân hàng TMCPĐT và PTV N đồng ý nhận số tiền gốc và tiền lãi suất mà anh Kim N B đã tự nguyện trả nêu trên.

- **Về thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi suất:** Chị Dương Ngọc T đại diện Ngân hàng TMCPĐT và PTV N và anh Kim N B tự nguyện thỏa thuận do Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

- **Về lãi suất chậm trả:** Chị Dương Ngọc T đại diện Ngân hàng TMCPĐT và PTV N và anh Kim N B tự nguyện thỏa thuận kể từ ngày 11/01/2022 anh Kim NB còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 01/2018/9870346/HĐTD, ngày 12/6/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** + Anh Kim NB thuộc diện người diện người dân tộc thiểu số sống ở ấp có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí và được Thẩm phán chấp nhận. Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Kim N B không phải nộp tiền án phí.

+ Ngân hàng TMCPĐT và PTV N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCPĐT và PTV N 3.015.903 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008225, ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Lê Thị Tranh

